ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

BỘ NGOẠI GIAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2020/TB-LPQT	*Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2020*

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định về dẫn độ giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, ký tại Bắc Kinh ngày 07 tháng 4 năm 2015, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 12 năm 2019.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Ngự

HIỆP ĐỊNH
VỀ
DẪN ĐỘ
GIỮA
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (sau đây gọi là "các Bên"),

Mong muốn tăng cường hợp tác hiệu quả giữa các Bên trong đấu tranh chống tội phạm trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi,

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1
Nghĩa vụ dẫn độ

Phù hợp với các quy định của Hiệp định này và theo yêu cầu của Bên kia, mỗi Bên đồng ý dẫn độ cho Bên kia bất kỳ người nào đang có mặt trên lãnh thổ của nước mình mà Bên kia truy nã để truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành hình phạt đã tuyên đối với người đó.

Điều 2
Các tội phạm có thể bị dẫn độ

1. Dẫn độ sẽ không được chấp thuận trừ khi hành vi được yêu cầu dẫn độ cấu thành một tội phạm theo pháp luật của cả hai Bên và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Nếu yêu cầu dẫn độ được đưa ra để tiến hành truy cứu trách nhiệm hình sự thì tội phạm đó có thể bị xử phạt tù với thời hạn tối thiểu là một năm hoặc hình phạt nặng hơn theo pháp luật của cả hai Bên; hoặc

b) Nếu yêu cầu dẫn độ là nhằm thi hành hình phạt đã tuyên thì tại thời điểm đưa ra yêu cầu dẫn độ, thời hạn chấp hành hình phạt của người này phải còn lại ít nhất sáu tháng.

2. Khi xem xét một hành vi có cấu thành tội phạm theo pháp luật của cả hai Bên theo quy định tại khoản 1 Điều này hay không, sẽ không nhất thiết pháp luật của cả hai Bên phải quy định hành vi đó trong cùng nhóm tội hoặc cùng tội danh.

3. Nếu yêu cầu dẫn độ liên quan đến hai hay nhiều hành vi, trong đó mỗi hành vi cấu thành một tội phạm theo luật của cả hai Bên và có ít nhất một hành vi đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 1 của Điều này, Bên được yêu cầu có thể chấp thuận dẫn độ đối với tất cả các hành vi đó.

Điều 3

Bắt buộc từ chối dẫn độ

Dẫn độ sẽ bị từ chối nếu:

a) Bên được yêu cầu cho rằng tội phạm bị yêu cầu dẫn độ là tội phạm chính trị hoặc Bên được yêu cầu đã đồng ý cho phép người bị yêu cầu dẫn độ tị nạn, tuy nhiên tội phạm khủng bố hoặc một tội phạm đã không bị coi là tội phạm chính trị theo bất kỳ hiệp định, công ước hoặc thỏa thuận quốc tế mà cả hai Bên đều là thành viên thì sẽ không được coi là tội phạm chính trị;

b) Bên được yêu cầu có căn cứ để tin rằng yêu cầu dẫn độ được đưa ra nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc trừng phạt người bị dẫn độ vì lí do chủng tộc, giới tính, tôn giáo, dân tộc, quan điểm chính trị hoặc vị trí trong tố tụng của người đó có thể bị ảnh hưởng bởi một trong các lý do nêu trên;

c) Tội phạm bị yêu cầu dẫn độ thuần túy là một tội phạm quân sự;

d) Người bị yêu cầu dẫn độ là công dân của Bên được yêu cầu;

e) Theo pháp luật của một trong hai Bên, người bị yêu cầu dẫn độ được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc miễn thi hành hình phạt vì bất kỳ lí do nào bao gồm cả việc đã hết thời hiệu hoặc được đặc xá;

f) Bên được yêu cầu đã tuyên bản án có hiệu lực hoặc đã kết thúc quá trình tố tụng đối với người bị yêu cầu dẫn độ về tội phạm bị yêu cầu dẫn độ; hoặc

g) Người bị yêu cầu đã hoặc có thể sẽ bị tra tấn hoặc đối xử hay trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc làm nhục ở Bên yêu cầu.

Điều 4

Quyền tự quyết định từ chối dẫn độ

Dẫn độ có thể bị từ chối nếu:

a) Bên được yêu cầu có quyền tài phán về hình sự đối với tội phạm bị yêu cầu dẫn độ theo quy định pháp luật của nước mình và đang tiến hành hoặc xem xét để tiến hành truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người bị yêu cầu dẫn độ về tội phạm đó; hoặc

b) Bên được yêu cầu, trong khi xem xét mức độ nghiêm trọng của tội phạm và các quyền lợi của Bên yêu cầu, cho rằng việc dẫn độ sẽ không phù hợp với nguyên tắc nhân đạo xét về độ tuổi, sức khỏe hoặc các hoàn cảnh cá nhân khác của người bị yêu cầu dẫn độ.

Điều 5

Nghĩa vụ truy cứu trách nhiệm hình sự ở Bên được yêu cầu

Nếu dẫn độ không được chấp thuận theo điểm d) Điều 3 của Hiệp định này, Bên được yêu cầu sẽ, theo đề nghị của Bên yêu cầu, chuyển vụ án đến cơ quan có thẩm quyền nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự phù hợp với pháp luật quốc gia. Vì mục đích này, Bên yêu cầu sẽ cung cấp cho Bên được yêu cầu các tài liệu và chứng cứ liên quan đến vụ án.

Điều 6

Kênh liên lạc

1. Để thực hiện Hiệp định này, các Bên sẽ liên lạc với nhau thông qua kênh ngoại giao trừ trường hợp Hiệp định này quy định khác.

2. Phù hợp với pháp luật quốc gia, yêu cầu dẫn độ sẽ được gửi và nhận bởi các cơ quan được chỉ định của các Bên như sau:

a) Đối với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Bộ Công an;

b) Đối với Cộng hòa nhân dân Trung Hoa: Bộ Ngoại giao.

3. Trong trường hợp các Bên thay đổi cơ quan nói trên của mình thì phải thông báo cho Bên kia qua đường ngoại giao.

Điều 7

Yêu cầu dẫn độ và các tài liệu cần thiết

1. Yêu cầu dẫn độ phải được lập thành văn bản và gồm có hoặc kèm theo các thông tin và tài liệu sau đây:

a) Thời gian và địa điểm lập văn bản;

b) Tên và địa chỉ của cơ quan đưa ra yêu cầu dẫn độ;

c) Tên, tuổi, giới tính, quốc tịch, số chứng minh thư, nghề nghiệp, nơi thường trú hoặc tạm trú của người bị yêu cầu và các thông tin khác giúp cho việc xác định địa điểm và nhận dạng người đó; và nếu có thể, bản miêu tả, ảnh và dấu vân tay của người đó;

d) Văn bản mô tả chi tiết tội phạm, bao gồm thời gian, địa điểm, hành vi và hậu quả của tội phạm;

e) Văn bản nêu các điều khoản của luật hiện hành liên quan đến việc xác lập quyền tài phán về hình sự, xác định tội phạm và hình phạt có thể được áp dụng đối với tội phạm đó; và

f) Văn bản nêu các điều khoản của luật liên quan đến thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành hình phạt.

2. Ngoài các quy định tại khoản 1 Điều này,

a) Yêu cầu dẫn độ nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người bị yêu cầu dẫn độ phải kèm theo bản sao lệnh bắt của cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu; hoặc

b) Yêu cầu dẫn độ nhằm thi hành hình phạt đối với người bị yêu cầu dẫn độ phải kèm theo bản sao bản án có hiệu lực và chi tiết thời gian đã chấp hành hình phạt.

3. Văn bản yêu cầu dẫn độ và các tài liệu liên quan khác theo khoản 1 và khoản 2 của Điều này phải được cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu ký và đóng dấu và gửi kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ chính thức của Bên được yêu cầu.

Điều 8

Thông tin bổ sung

Nếu Bên được yêu cầu cho rằng thông tin đã cung cấp kèm theo yêu cầu dẫn độ không đầy đủ, thì có thể yêu cầu cung cấp các thông tin bổ sung trong

ba mươi ngày. Nếu Bên yêu cầu đề nghị, thời hạn này có thể được gia hạn thêm mười lăm ngày. Nếu Bên yêu cầu không thể cung cấp thông tin bổ sung trong thời hạn nêu trên, coi như Bên yêu cầu tự nguyện từ bỏ yêu cầu dẫn độ. Tuy nhiên, Bên yêu cầu sẽ không bị cản trở trong việc đưa ra yêu cầu mới về dẫn độ người đó về cùng một tội phạm.

Điều 9

Bắt khẩn cấp

1. Trong trường hợp khẩn cấp, một Bên có thể yêu cầu Bên kia bắt khẩn cấp người bị yêu cầu dẫn độ trước khi gửi yêu cầu dẫn độ. Yêu cầu bắt khẩn cấp có thể gửi bằng văn bản qua các kênh nêu tại Điều 6 hoặc qua Tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế (INTERPOL) hoặc thông qua các kênh liên lạc khác do hai Bên thỏa thuận.

2. Yêu cầu bắt khẩn cấp phải có các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 7 của Hiệp định này, văn bản về sự tồn tại của các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 7 và văn bản khẳng định sẽ gửi yêu cầu dẫn độ chính thức.

3. Bên được yêu cầu sẽ thông báo ngay cho Bên yêu cầu kết quả xử lý yêu cầu.

4. Bắt khẩn cấp sẽ chấm dứt nếu, trong thời hạn ba mươi ngày sau khi bắt người bị yêu cầu dẫn độ, Bên được yêu cầu không nhận được yêu cầu dẫn độ chính thức. Theo đề nghị hợp lệ của Bên yêu cầu, thời hạn này có thể được gia hạn thêm mười lăm ngày.

5. Việc chấm dứt bắt khẩn cấp theo khoản 4 Điều này sẽ không ảnh hưởng đến việc dẫn độ người bị yêu cầu dẫn độ nếu sau đó Bên được yêu cầu nhận được yêu cầu dẫn độ chính thức.

Điều 10

Quyết định về yêu cầu dẫn độ

1. Bên được yêu cầu sẽ xem xét yêu cầu dẫn độ phù hợp với các thủ tục quy định bởi pháp luật quốc gia và sẽ thông báo ngay cho Bên yêu cầu về quyết định của mình.

2. Nếu Bên được yêu cầu từ chối toàn bộ hoặc từng phần của yêu cầu dẫn độ, lý do từ chối sẽ được thông báo cho Bên yêu cầu.

Điều 11

Chuyển giao người bị dẫn độ

1. Nếu Bên được yêu cầu chấp thuận việc dẫn độ, các Bên sẽ thỏa thuận về thời gian, địa điểm và các vấn đề khác liên quan đến việc tiến hành dẫn độ. Khi đó, Bên được yêu cầu sẽ thông báo cho Bên yêu cầu thời gian mà người bị dẫn độ đã bị giam giữ trước khi chuyển giao.

2. Nếu Bên yêu cầu không nhận người bị dẫn độ trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày thỏa thuận tiến hành dẫn độ, Bên được yêu cầu sẽ ngay lập tức trả tự do cho người bị yêu cầu dẫn độ và có thể từ chối yêu cầu mới của Bên yêu cầu về việc dẫn độ người đó về cùng một tội phạm, trừ trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Nếu một Bên không thực hiện được việc chuyển giao hoặc nhận người bị dẫn độ trong thời gian đã thỏa thuận vì những lý do bất khả kháng, Bên kia sẽ được thông báo ngay. Các Bên sẽ thỏa thuận lại về các vấn đề có liên quan để tiến hành dẫn độ theo các quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 12

Dẫn độ lại

Khi người bị dẫn độ trốn quay trở lại Bên được yêu cầu trước khi kết thúc quá trình tố tụng hoặc trước khi chấp hành xong hình phạt ở Bên yêu cầu, người đó có thể bị dẫn độ lại theo một yêu cầu dẫn độ mới của Bên yêu cầu về cùng tội phạm và Bên yêu cầu không cần gửi kèm theo các văn bản và tài liệu quy định tại Điều 7 Hiệp định này.

Điều 13

Hoãn dẫn độ và Dẫn độ tạm thời

1. Nếu người bị yêu cầu đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành hình phạt ở Bên được yêu cầu về một tội phạm khác với tội phạm bị yêu cầu dẫn độ, Bên được yêu cầu sau khi chấp nhận dẫn độ, có thể hoãn việc dẫn độ cho tới khi kết thúc quá trình tố tụng hoặc chấp hành xong hình phạt. Bên được yêu cầu sẽ thông báo cho Bên yêu cầu về việc hoãn này.

2. Nếu việc hoãn dẫn độ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới quá trình tố tụng ở Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu có thể, theo đề nghị và trong phạm vi mà quá trình tố tụng của mình không bị ảnh hưởng, tạm thời dẫn độ người đó cho

Bên yêu cầu nếu Bên yêu cầu đảm bảo sẽ trả lại người đó vô điều kiện và ngay lập tức sau khi kết thúc các thủ tục tố tụng có liên quan.

Điều 14

Nhiều yêu cầu dẫn độ

Khi hai hay nhiều quốc gia bao gồm cả một Bên trong Hiệp định gửi yêu cầu dẫn độ đối với cùng một người về cùng một tội phạm hay nhiều tội phạm khác nhau thì Bên được yêu cầu khi quyết định dẫn độ người đó cho một trong các quốc gia nói trên sẽ xem xét tất cả các yếu tố liên quan, đặc biệt là:

a) Các yêu cầu dẫn độ có được lập theo một hiệp định hay không;

b) Mức độ nghiêm trọng của tội phạm;

c) Thời gian và địa điểm thực hiện tội phạm;

d) Quốc tịch và nơi cư trú thường xuyên của người đó;

e) Quốc tịch của người bị hại;

f) Ngày đưa ra yêu cầu dẫn độ; và

g) Khả năng dẫn độ tiếp theo tới quốc gia khác.

Điều 15

Quy tắc đặc biệt

Người bị dẫn độ theo Hiệp định này sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành hình phạt ở Bên yêu cầu vì một tội khác với tội nêu trong yêu cầu dẫn độ được thực hiện trước khi bị dẫn độ, cũng không bị dẫn độ cho quốc gia thứ ba, trừ khi:

a) Bên được yêu cầu đã đồng ý trước. Trong trường hợp này, Bên được yêu cầu có thể yêu cầu gửi các tài liệu và thông tin quy định tại Điều 7 của Hiệp định này và bản tường trình của người bị dẫn độ về tội phạm có liên quan;

b) Người đó đã không rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày được tự do rời đi. Tuy nhiên, thời hạn này sẽ không bao gồm thời gian mà người này không thể ra khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu vì những lý do bất khả kháng; hoặc

c) Người đó đã tự nguyện quay trở lại sau khi đã rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu.

Điều 16

Chuyển giao tài sản

1. Nếu Bên yêu cầu đề nghị, Bên được yêu cầu, trong phạm vi pháp luật của mình cho phép, sẽ thu giữ tài sản do phạm tội mà có và phương tiện phạm tội cùng các tài sản khác có thể dùng làm chứng cứ tìm thấy trên lãnh thổ của mình, và khi chấp nhận dẫn độ, sẽ chuyển giao những tài sản này cho Bên yêu cầu.

2. Khi chấp nhận dẫn độ, tài sản đề cập tại khoản 1 Điều này có thể vẫn được chuyển giao nếu việc dẫn độ không thể được tiến hành do người bị yêu cầu dẫn độ đã chết, mất tích hoặc trốn thoát.

3. Bên được yêu cầu có thể, để tiếp tục tiến hành các thủ tục tố tụng hình sự khác, hoãn việc chuyển giao tài sản trên cho đến khi kết thúc các thủ tục này, hoặc tạm thời chuyển giao những tài sản đó với điều kiện Bên yêu cầu cam kết sẽ trả lại nó.

4. Việc chuyển giao những tài sản nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền hoặc lợi ích hợp pháp nào của Bên được yêu cầu hoặc Bên thứ ba đối với những tài sản đó. Khi có những quyền hoặc lợi ích đó, Bên yêu cầu, theo đề nghị của Bên được yêu cầu sẽ trả lại những tài sản đã chuyển giao miễn phí cho Bên được yêu cầu ngay sau khi kết thúc các thủ tục tố tụng.

Điều 17

Quá cảnh

1. Một Bên sẽ yêu cầu Bên kia cho phép quá cảnh nếu dẫn độ một người từ một nước thứ ba đi qua lãnh thổ của Bên kia. Trong trường hợp chuyển giao bằng đường hàng không và không hạ cánh trên lãnh thổ của Bên quá cảnh, thì không yêu cầu phải xin phép.

2. Miễn là không trái với luật quốc gia, Bên được yêu cầu sẽ chấp nhận yêu cầu quá cảnh của Bên yêu cầu.

Điều 18

Thông báo kết quả

Theo đề nghị của Bên được yêu cầu, Bên yêu cầu sẽ thông báo ngay cho Bên được yêu cầu thông tin về quá trình tố tụng hoặc chấp hành hình phạt của

người bị dẫn độ hoặc thông tin liên quan đến việc dẫn độ lại người đó cho một nước thứ ba.

Điều 19

Chi phí

Các chi phí liên quan đến các thủ tục dẫn độ ở Bên được yêu cầu sẽ do Bên này chịu. Các chi phí di chuyển và quá cảnh liên quan đến việc chuyển giao hoặc tiếp nhận người bị dẫn độ sẽ do Bên yêu cầu chi trả.

Điều 20

Mối quan hệ với các hiệp định khác

Hiệp định này sẽ không ngăn cản các Bên hợp tác với nhau về dẫn độ theo các hiệp định khác mà cả hai Bên đều là thành viên.

Điều 21

Giải quyết bất đồng

Các bất đồng liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết bằng tham vấn thông qua các kênh ngoại giao.

Điều 22

Hiệu lực, sửa đổi và chấm dứt hiệu lực của Hiệp định

1. Một Bên sẽ thông báo cho Bên kia bằng công hàm ngoại giao rằng tất cả các thủ tục cần thiết theo luật quốc gia đã được thực hiện để Hiệp định này có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi kể từ ngày nhận được thông báo cuối cùng.

2. Hiệp định này có thể được sửa đổi tại bất kỳ thời điểm nào theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các Bên. Các sửa đổi này sẽ có hiệu lực theo cùng thủ tục quy định tại khoản 1 Điều này và sẽ là một phần của Hiệp định.

3. Một trong hai Bên có thể chấm dứt Hiệp định này bất kỳ lúc nào bằng cách gửi thông báo bằng văn bản qua các kênh ngoại giao. Việc chấm dứt sẽ có hiệu lực vào ngày thứ một trăm tám mươi kể từ ngày gửi thông báo. Việc chấm dứt Hiệp định sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục dẫn độ bắt đầu trước thời điểm Hiệp định chấm dứt.

4. Hiệp định này áp dụng cho các yêu cầu được gửi sau khi Hiệp định có hiệu lực, kể cả nếu tội phạm diễn ra trước thời điểm Hiệp định có hiệu lực.

DỂ LÀM BẰNG, những người ký tên dưới đây, được ủy quyền đầy đủ, đã ký Hiệp định này.

Hiệp định này được làm thành hai bản gốc tại Bắc Kinh, ngày 07 tháng 4 năm 2015 bằng tiếng Việt, tiếng Trung và tiếng Anh, các bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp nảy sinh bất đồng trong việc giải thích Hiệp định này, bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở.

THAY MẶT NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**THAY MẶT NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA**
TRẦN VIỆT TÂN	**LƯU CHẤN DÂN**
THỨ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN	**THỨ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO**

越南社会主义共和国和中华人民共和国
引渡条约

越南社会主义共和国和中华人民共和国（以下称双方），

在相互尊重主权和平等互利的基础上，为促进两国在打击犯罪方面的有效合作，

达成协议如下：

第一条　引渡义务

双方同意根据本条约的规定，应对方请求，相互引渡在一方境内发现的被另一方通缉的人员，以便对其进行刑事诉讼或者执行刑罚。

第二条　可引渡的犯罪

一、只有在引渡请求所针对的行为根据双方法律均构成犯罪，并且符合下列条件之一时，才能准予引渡：

（一）为进行刑事诉讼而请求引渡的，根据双方法律，对于该犯罪均可判处1年以上有期徒刑或者更重的刑罚；

（二）为执行刑罚而请求引渡的，在提出引渡请求时，被请求引渡人尚未服完的刑期至少为6个月。

二、根据本条第一款确定某一行为是否根据双方法律均构成犯罪时，不应考虑双方法律是否将该行为归入同一犯罪种类或者使用同一罪名。

三、如果引渡请求涉及两个以上根据双方法律均构成犯罪的行为，只要其中有一项行为符合本条第一款规定的条件，被请求方即可以针对上述各项行为准予引渡。

第三条 应当拒绝引渡的理由

有下列情形之一的，应当拒绝引渡：

（一）被请求方认为，引渡请求所针对的犯罪是政治犯罪，或者被请求方已经给予被请求引渡人受庇护的权利，但恐怖主义犯罪和双方均为缔约国的国际公约不认为是政治犯罪的不应视为政治犯罪；

（二）被请求方有充分理由认为，请求引渡的目的是基于被请求引渡人的种族、性别、宗教、国籍或者政治见解而对该人进行起诉或者处罚，或者该人在司法程序中的地位将会因为上述任何原因受到损害；

（三）引渡请求所针对的犯罪仅构成军事犯罪；

（四）被请求引渡人是被请求国国民；

（五）根据任何一方的法律，由于时效已过或者赦免等原因，被请求引渡人已经被免予追诉或者免予执行刑罚；

（六）被请求方已经对被请求引渡人就引渡请求所针对的犯罪作出生效判决或者终止刑事诉讼程序；

（七）被请求引渡人在请求方曾经遭受或者可能遭受酷刑或者其他残忍、不人道或者有辱人格的待遇或者处罚。

第四条　可以拒绝引渡的理由

有下列情形之一的，可以拒绝引渡：

（一）被请求方根据本国法律对引渡请求所针对的犯罪具有刑事管辖权，并且对被请求引渡人就该犯罪正在进行刑事诉讼或者准备提起刑事诉讼；

（二）被请求方在考虑了犯罪的严重性和请求方利益的情况下，认为由于被请求引渡人的年龄、健康或其他个人情况等原因，引渡不符合人道主义考虑。

第五条　在被请求国提起刑事诉讼的义务

如果根据本条约第三条第（四）项规定未准予引渡，被请求方应当根据请求方的请求，将该案件提交主管机关以便根据国内法提起刑事诉讼。为此目的，请求方应当向被请求方提供与该案件有关的文件和证据。

第六条　联系途径

一、为本条约的目的，双方应当通过外交途径进行联系，但本条约另有规定的除外。

二、引渡请求应当向双方根据本国法律指定的如下机关提出，并由其接收：

（一）在越南社会主义共和国方面为公安部；

（二）在中华人民共和国方面为外交部。

三、任何一方变更以上机关时，应当通过外交途径通知另一方。

第七条　引渡请求及所需文件

一、引渡请求应当以书面形式提出并包括以下内容：

（一）提出请求的时间和地点；

（二）请求机关的名称和地址；

（三）被请求引渡人的姓名、年龄、性别、国籍、身份证件号码、职业、住所地或者居所地以及其他有助于确定被请求引渡人的身份和可能所在地的资料；如有可能，有关其外表特征的描述，该人的照片和指纹；

（四）有关犯罪事实的说明，包括犯罪的时间、地点、行为和结果；

（五）有关该项犯罪的刑事管辖权、定罪和刑罚的法律规定；

（六）有关追诉时效或者执行刑罚的时效的法律规定。

二、除本条第一款规定外，

（一）旨在对被请求引渡人进行刑事诉讼的引渡请求还应当附有请求方主管机关签发的逮捕证的副本；

（二）旨在对被请求引渡人执行刑罚的引渡请求还应当附有已经发生法律效力的法院判决书的副本和关于已经执行刑期的说明。

三、请求方根据本条第一款和第二款提交的引渡请求书和其他有关文件，应当由请求方的主管机关正式签署或者盖章，并应当附有被请求方文字的译文。

第八条 补充材料

如果被请求方认为，为支持引渡请求所提供的材料不充分，可以要求在30天内提交补充材料。如果请求方提出合理要求，这一期限可以延长15天。如果请求方未在该期限内提交补充材料，应当被视为自动放弃请求，但是不妨碍请求方就同一犯罪对同一人重新提出引渡请求。

第九条　临时羁押

一、在紧急情况下，一方可以在提出引渡请求前，请求另一方临时羁押被请求引渡人。此种请求可以通过本条约第六条规定的途径、国际刑事警察组织或者双方同意的其他途径以书面形式提出。

二、临时羁押请求应当包括本条约第七条第一款所列内容，并说明已经备有第七条第二款所列文件，以及即将提出正式引渡请求。

三、被请求方应当将处理该请求的结果及时通知请求方。

四、如果被请求方在羁押被请求引渡人之后的30天内未收到正式引渡请求，则应当解除临时羁押。经请求方合理要求，上述期限可以延长15天。

五、如果被请求方随后收到了正式引渡请求，则根据本条第四款解除临时羁押不应妨碍对被请求引渡人的引渡。

第十条　对引渡请求作出决定

一、被请求方应当根据本国法律规定的程序处理引渡请求，并且及时将决定通知请求方。

二、被请求方如果全部或者部分拒绝引渡请求，应当将

理由告知请求方。

第十一条 移交被引渡人

一、如果被请求方准予引渡，双方应当商定执行引渡的时间、地点等有关事宜。同时，被请求方应当将被引渡人在移交之前已经被羁押的时间告知请求方。

二、如果请求方在商定的执行引渡之日后的 15 天内未接收被引渡人，被请求方应当立即释放该人，并且可以拒绝请求方就同一犯罪再次提出的引渡该人的请求，但本条第三款另有规定的除外。

三、如果一方因为其无法控制的原因不能在商定的期间内移交或者接收被引渡人，应当立即通知另一方。双方应当再次商定执行引渡的有关事宜，并适用本条第二款的规定。

第十二条 重新引渡

被引渡人在请求方的刑事诉讼终结或者服刑完毕之前逃回被请求方的，被请求方可以根据请求方就同一犯罪再次提出的引渡请求准予重新引渡，请求方无需提交本条约第七条规定的文件和材料。

第十三条　暂缓引渡和临时引渡

一、如果被请求引渡人正在被请求方因为引渡请求所针对的犯罪之外的犯罪被提起刑事诉讼或者服刑，被请求方可以在作出准予引渡的决定后，暂缓引渡该人直至诉讼终结或者服刑完毕。被请求方应当将暂缓一事通知请求方。

二、如果暂缓引渡可能对请求方的刑事诉讼造成严重妨碍，被请求方可以在不妨碍其正在进行的刑事诉讼，并且请求方保证在完成有关程序后立即将被请求引渡人无条件送还被请求方的情况下，根据请求，向请求方临时引渡该人。

第十四条　数国提出的引渡请求

当包括一方在内的两个以上国家对同一人就同一犯罪或者不同犯罪提出引渡请求时，被请求方在决定向哪一国引渡该人时，应当考虑所有相关情况，特别是如下情况：

（一）请求是否根据条约提出；

（二）不同犯罪的相对严重性；

（三）犯罪发生的时间和地点；

（四）被请求引渡人的国籍和通常的居住地；

（五）受害人的国籍；

（六）各项请求提出的先后；

（七）随后向第三国再引渡的可能性。

第十五条　特定规则

除准予引渡所针对的犯罪外，请求方对于根据本条约被引渡的人，不得就该人在引渡前所实施的其他犯罪进行刑事诉讼或者执行刑罚，也不能将其再引渡给第三国，但是有下列情形之一的除外：

（一）被请求方事先同意。为此目的，被请求方可以要求提供本条约第十条所规定的文件或者资料，以及被引渡人就有关犯罪所作的陈述；

（二）该人在可以自由离开请求方之日后的30天内未离开该方。但是由于其无法控制的原因未能离开请求方的时间不计算在此期限内；

（三）该人在已经离开请求方后又自愿回到该方。

第十六条　移交财物

一、如果请求方提出请求，被请求方应当在本国法律允许的范围内，扣押在其境内发现的犯罪所得、犯罪工具以及可作为证据的财物，并且在准予引渡的情况下，将这些财物移交给请求方。

二、在准予引渡的情况下，即使因为被请求引渡人死亡、失踪或者脱逃而无法实施引渡，本条第一款提到的财物仍然可以移交。

三、被请求方为审理其他未决刑事诉讼案件，可以推迟移交上述财物直至诉讼终结，或者在请求方承诺返还的条件下临时移交这些财物。

四、移交上述财物不得损害被请求方或者任何第三方对该财物的合法权益。如果存在此种权益，请求方应当在诉讼结束之后尽快将被移交的财物无偿返还给被请求方。

第十七条 过 境

一、一方从第三国引渡人员需经过另一方领土时，应当向另一方提出过境请求。如果使用航空运输并且没有在另一方境内降落的计划，则无需提出过境请求。

二、被请求方在不违反其法律的情况下，应当同意请求方提出的过境请求。

第十八条 通报结果

请求方应当根据被请求方的要求，及时向被请求方通报有关对被引渡人进行刑事诉讼、执行刑罚或者将该人再引渡

给第三国的情况。

第十九条　费　用

在被请求方的引渡程序中产生的费用应当由被请求方承担。与移交和接收被引渡人有关的交通费用和过境费用应当由请求方承担。

第二十条　与其他条约的关系

本条约不影响双方根据双方均为缔约方的其他条约开展引渡合作。

第二十一条　争议的解决

由于本条约的解释或者适用所产生的任何争议，应当通过外交途径协商解决。

第二十二条　生效、修订和终止

一、双方根据本国法律完成本条约生效所需的一切必要程序后，应当通过外交照会通知另一方。本条约自后一份照

会发出之日起第30天生效。

二、本条约可以随时经双方书面协议予以修订。此类修订应当按照本条第一款规定的相同程序生效，并构成本条约的一部分。

三、任何一方可以随时通过外交途径以书面形式通知终止本条约。本条约自该通知发出之日后第180天终止。本条约的终止不影响条约终止前已经开始的引渡程序。

四、本条约适用于其生效后提出的任何请求，即使有关犯罪发生于本条约生效前。

下列签署人经适当授权，签署本条约，以昭信守。

本条约于_____年___月_____日订于_____，一式两份，每份均用越南文、中文和英文写成，三种文本同等作准。如遇解释上的分歧，以英文本为准。

越南社会主义共和国
代 表

中华人民共和国
代 表

TREATY
ON EXTRADITION
BETWEEN
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
AND
THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA

The Socialist Republic of Viet Nam and the People's Republic of China (hereinafter referred to as "the Parties"),

Desirous to promote the effective cooperation between the Parties in the suppression of crime on the basis of mutual respect for sovereignty, equality and mutual benefit,

Have agreed as follows:

Article 1

Obligation to Extradite

Each Party agrees, in accordance with the provisions of this Treaty and at the request of the other Party, to extradite to each other any person found in its territory and who is wanted by the other Party for the purpose of conducting criminal prosecution against or executing sentence imposed on that person.

Article 2

Extraditable Offences

1. Extradition shall not be granted unless the conduct for which the extradition is requested constitutes an offence under the laws of both Parties and meets one of the following conditions:

a) if the request for extradition is made for the purpose of conducting a criminal prosecution, the offence is punishable under the laws of both Parties by penalty of imprisonment for a period of at least one year or by any heavier punishment; or

b) if the request for extradition is aimed at executing a sentence imposed, a period of sentence that remains to be served by the person sought is at least six months at the time when the request for extradition is made.

2. In determining whether a conduct constitutes an offence under the laws of both Parties in accordance with paragraph 1 of this Article, it shall not matter whether the laws of both Parties place the conduct within the same category of offence or denominate the offence by the same terminology.

3. If the request for extradition concerns two or more conducts each of which constitutes an offence under the laws of both Parties and at least one of which fulfills the conditions provided for in paragraph 1 of this Article, the Requested Party may grant extradition for all of those conducts.

Article 3

Mandatory Grounds for Refusal

Extradition shall be refused if:

a) the Requested Party considers that the offence for which the extradition is requested is a political offence or the Requested Party has granted asylum to the person sought, but terrorism offence or the offence not regarded as political offence under any international treaty, convention or agreement to which both Parties are parties shall not be treated as political offences;

b) the Requested Party has substantial grounds for believing that the request for extradition has been made for the purpose of prosecuting or punishing the person sought on account of that person's race, sex, religion, nationality or political opinion, or that that person's position in judicial proceedings may be prejudiced for any of those reasons;

c) the offence for which the extradition is requested only constitutes a military offence;

d) the person sought is a national of the Requested Party;

e) the person sought is, under the laws of either Party, immune from prosecution or execution of sentence for any reason including lapse of time or pardon;

f) the Requested Party has already rendered an effective judgment or terminated the criminal proceedings against the person sought in respect of the offence for which the extradition is requested; or

g) the person sought has been or will probably be subjected to torture or other cruel, inhuman or humiliating treatment or punishment in the Requesting Party.

Article 4

Discretionary Grounds for Refusal

Extradition may be refused if:

a) the Requested Party has criminal jurisdiction over the offence for which the extradition is requested in accordance with its national law, and is conducting or contemplates to institute a criminal proceeding against the person sought for that offence; or

b) the Requested Party, while taking into account the seriousness of the offence and the interests of the Requesting Party, considers that the extradition would be incompatible with humanitarian considerations in view of that person's age, health or other personal circumstances.

Article 5

Obligation to Institute Criminal Proceedings in the Requested Party

If extradition is not granted pursuant to subparagraph d) of Article 3 of this Treaty, the Requested Party shall, at the request of the Requesting Party, submit the case to its competent authority for the purpose of institution of a criminal proceeding in accordance with its national law. For this purpose, the Requesting Party shall provide the Requested Party with documents and evidence relating to the case.

Article 6

Channels of Communication

1. For the purpose of this Treaty, the Parties shall communicate through diplomatic channels unless otherwise provided for in this Treaty.

2. Request for extradition shall be submitted to and received by authorities designated by the Parties, in accordance with their respective national laws, as follows:

a) in the case of the Socialist Republic of Viet Nam: Ministry of Public Security;

b) in the case of the People's Republic of China: Ministry of Foreign Affairs.

3. In case either Party changes such authority, it shall notify the other Party through diplomatic channels.

Article 7

Request for Extradition and Required Documents

1. Request for extradition shall be made in writing, and include or be accompanied by:

a) date and place of the request;

b) the name and address of the requesting authority;

c) the name, age, sex, nationality, number of identification documents, occupation, domicile or residence of the person sought and other information that may help to determine that person's identity and possible location; and if available, the description of that person's appearance, the photographs and fingerprints of that person;

d) a statement of the facts of the offence, including the time, place, conduct and consequences of the offence;

e) the text of the relevant provisions of the laws relating to establishing criminal jurisdiction, determining the offence and prescribing the penalty that can be imposed for the offence; and

f) the text of the relevant provisions of the laws describing any time limit on the prosecution or execution of sentence.

2. In addition to the provisions of paragraph 1 of this Article,

a) the request for extradition which is aimed at conducting a criminal proceeding against the person sought shall also be accompanied by a copy of the warrant of arrest issued by the competent authority of the Requesting Party; or

b) the request for extradition which is aimed at executing a sentence imposed on the person sought shall also be accompanied by a copy of effective judgment and a description of period of sentence which has already been executed.

3. The request for extradition and other relevant documents submitted by the Requesting Party in accordance with paragraphs 1 and 2 of this Article shall be officially signed or sealed by the competent authority of the Requesting Party and be accompanied by translations in the official language of the Requested Party.

Article 8

Additional Information

If the Requested Party considers that the information furnished in support of a request for extradition is not sufficient, that Party may request that additional information be furnished within thirty days. At a request duly made by the Requesting Party, the time limit may be extended for fifteen days. If the Requesting Party fails to submit additional information within that period, it shall be considered as having renounced its request voluntarily. However, the Requesting Party shall not be precluded from making a new request for extradition of the same person for the same offence.

Article 9

Provisional Arrest

1. In case of urgency, one Party may make a request to the other Party for the provisional arrest of the person sought before making a request for extradition. Such request may be submitted in writing through the channels provided for in Article 6 or the International Criminal Police Organization (INTERPOL) or other channels agreed to by both Parties.

2. The request for provisional arrest shall contain the contents indicated in paragraph 1 of Article 7 of this Treaty, a statement of the existence of documents indicated in paragraph 2 of that Article and a statement that a formal request for extradition of the person sought will follow.

3. The Requested Party shall promptly inform the Requesting Party of the result of its handling of the request.

4. Provisional arrest shall be terminated if, within a period of thirty days after the arrest of the person sought, the Requested Party has not received the formal request for extradition. At a request duly made by the Requesting Party, such time limit may be extended for fifteen days.

5. The termination of provisional arrest pursuant to paragraph 4 of this Article shall not prejudice the extradition of the person sought if the Requested Party has subsequently received the formal request for extradition.

Article 10

Decision on the Request for Extradition

1. The Requested Party shall deal with the request for extradition in accordance with the procedure provided for by its national law, and shall promptly inform the Requesting Party of its decision.

2. If the Requested Party refuses the whole or any part of the request for extradition, the reasons for refusal shall be notified to the Requesting Party.

Article 11

Surrender of the Person to be Extradited

1. If the extradition has been granted by the Requested Party, the Parties shall agree on time, place and other relevant matters relating to the execution of the extradition. Meanwhile, the Requested Party shall inform the Requesting Party of the period of time for which the person to be extradited has been detained prior to the surrender.

2. If the Requesting Party has not taken over the person to be extradited within fifteen days after the date agreed for the execution of the extradition, the Requested Party shall release that person immediately and may refuse a new request by the Requesting Party for extradition of that person for the same offence, unless otherwise provided for in paragraph 3 of this Article.

3. If one Party fails to surrender or take over the person to be extradited within the agreed period for reasons beyond its control, the other Party shall be notified promptly. The Parties shall once again agree on the relevant matters for the execution of the extradition, and the provisions of paragraph 2 of this Article shall apply.

Article 12

Re-Extradition

Where the person under extradition escapes back to the Requested Party before criminal proceedings are terminated or his sentence is served in the Requesting Party, that person may be re-extradited upon a fresh request for extradition made by the Requesting Party in respect of the same offence and the Requesting Party need not submit the documents and material provided for in Article 7 of this Treaty.

Article 13

Postponement of Extradition and Temporary Extradition

1. If the person sought is being proceeded against or is serving a sentence in the Requested Party for an offence other than that for which the extradition is requested, the Requested Party may, after having made a decision to grant extradition, postpone the extradition until the conclusion of the proceeding or the completion of the sentence. The Requested Party shall inform the Requesting Party of the postponement.

2. If the postponement of the extradition may seriously impede the criminal proceedings in the Requesting Party, the Requested Party may, upon request and to the extent that its ongoing criminal proceedings are not hindered, temporarily extradite the person sought to the Requesting Party provided that the Requesting Party undertakes to return that person unconditionally and immediately upon conclusion of relevant proceedings.

Article 14

Requests for Extradition Made by Several States

Where requests are made by two or more states including one Party for extradition of the same person either for the same offence or for different offences, the Requested Party, in determining to which state the person is to be extradited, shall consider all relevant circumstances, in particular:

a) whether the requests were made pursuant to a treaty;

b) the gravity of the offences;

c) the time and place of the commission of the offence;

d) the nationality and the ordinary residence of the person sought;

e) the nationality of the victim;

f) respective dates of the requests; and

g) the possibility of subsequent extradition to another state.

Article 15

Rule of Speciality

The person extradited in accordance with this Treaty shall not be proceeded against or subject to the execution of sentence in the Requesting Party

for an offence committed by that person before his extradition other than that for which the extradition is granted, nor shall that person be extradited to a third state, unless:

a) the Requested Party has consented in advance. For the purpose of such consent, the Requested Party may require the submission of the documents and information mentioned in Article 7 of this Treaty, and a statement by the extradited person with respect to the offence concerned;

b) that person has not left the Requesting Party within thirty days after having been free to do so. However, this period of time shall not include the time during which that person fails to leave the Requesting Party for reasons beyond his control; or

c) that person has voluntarily returned to the Requesting Party after leaving it.

Article 16

Surrender of Property

1. If the Requesting Party so requests, the Requested Party shall, to the extent permitted by its national law, seize the proceeds and instrumentality of the offence and other property which may serve as evidence found in its territory, and when extradition is granted, shall surrender these property to the Requesting Party.

2. When the extradition is granted, the property mentioned in paragraph 1 of this Article may nevertheless be surrendered even if the extradition can not be carried out owing to the death, disappearance or escape of the person sought.

3. The Requested Party may, for conducting any other pending criminal proceedings, postpone the surrender of above-mentioned property until the conclusion of such proceedings, or temporarily surrender that property on condition that the Requesting Party undertakes to return it.

4. The surrender of such property shall not prejudice any legitimate rights or interests of the Requested Party or any third party to that property. Where these rights or interests exist, the Requesting Party shall, return the surrendered property without charge to the Requested Party as soon as possible after the conclusion of the proceedings.

Article 17

Transit

1. When one Party is to extradite a person from a third state through the territory of the other Party, it shall request the other Party for the permission of such transit. No such request is required where air transportation is used and no landing in the territory of the other Party is scheduled.

2. The Requested Party shall, insofar as not contrary to its national law, grant the request for transit made by the Requesting Party.

Article 18

Notification of Result

The Requesting Party shall, upon request of the Requested Party, provide the Requested Party promptly with the information on the proceedings or the execution of sentence against the extradited person or information concerning the extradition of that person to a third state.

Article 19

Expenses

Expenses arising from the procedures for extradition in the Requested Party shall be borne by that Party. Expenses of transportation and the transit expenses in connection with the surrender or taking over of the extradited person shall be borne by the Requesting Party.

Article 20

Relationship with Other Treaties

This Treaty shall not prevent the Parties from cooperating with each other on extradition in accordance with other treaties to which both Parties are parties.

Article 21

Settlement of Disputes

Any dispute arising from the interpretation or application of this Treaty shall be settled by consultation through diplomatic channels.

Article 22

Entry into Force, Amendment and Termination

1. Each Party shall inform the other by diplomatic note that all necessary steps have been taken under its laws for entry into force of this Treaty. This Treaty shall enter into force upon the thirtieth day from the date of receipt of the later diplomatic note.

2. This Treaty may be amended at any time by written agreement between the Parties. Any such amendment will enter into force in accordance with the same procedure prescribed in paragraph 1 of this Article and will form part of this Treaty.

3. Either Party may terminate this Treaty by notice in writing through diplomatic channels at any time. Termination shall take effect on the one hundred and eightieth day after the date on which the notice is given. Termination of this Treaty shall not affect the extradition proceedings commenced prior to the termination.

4. This Treaty applies to any request presented after its entry into force even if the relevant offences occurred before the entry into force of this Treaty.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized, have signed this Treaty.

DONE in duplicate at Beijing on the 7th day of April 2015, in the Vietnamese, Chinese and English languages, all texts being equally authentic. In case of divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA
TRAN VIET TAN DEPUTY MINISTER OF PUBLIC SECURITY	LIU ZHENMIN DEPUTY MINISTER OF FOREIGN AFFAIRS